

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT CAO BÁ QUÁT-QUỐC OAI

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của Trường THPT Cao Bá Quát-Quốc Oai
năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	545			545
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	528 96.88%			528 96.88%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	17 3.12%			17 3.12%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%			0 0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%			0 0%
II	Số học sinh chia theo rèn luyện	1069	542	527	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	939 87.84%	475 87.64%	464 88.05%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	121 11.32%	65 11.99%	56 10.63%	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	6 0.56%	2 0.37%	4 0.76%	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.28%	0 0%	3 0.57%	
III	Số học sinh chia theo học lực	545			545
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	376 68.99%			376 68.99%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	168 30.83%			168 30.83%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.18%			1 0.18%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%			0 0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%			0 0%
IV	Số học sinh chia theo học tập	1069	542	527	



	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	310 29.00%	118 21.77%	192 36.43%	
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	650 60.8%	350 64.58%	300 56.93%	
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	106 9.92%	74 13.65%	32 6.07%	
	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.28%	0 0%	3 0.57%	
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1614	542	527	545
<i>l</i>	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1611 99.81%	542 100%	524 99.43%	545 100%
	Học sinh xuất sắc theo TT 22	2 0.19%	0 0%	2 0.38%	0 0%
<i>a</i>	Học sinh giỏi theo TT 22 (tỷ lệ so với tổng số)	306 28.62%	117 21.59%	189 35.86%	0 0%
	Học sinh giỏi theo TT 58 (tỷ lệ so với tổng số)	375 68.81%	0 0%	0 0%	375 68.81%
<i>b</i>	Học sinh tiên tiến theo TT 58 (tỷ lệ so với tổng số)	169 31.01%	0 0%	0 0%	169 31.01%
<i>2</i>	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
<i>3</i>	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.19%	0 0%	3 0.57%	0 0%
STT	Nội dung				
<i>4</i>	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Đến: 11 (0.68%) Đi: 1 (0.19%)	Đến: 4 (0.25%) Đi: 0 (0%)	Đến: 6 (0.37%) Đi: 1 (0.19%)	Đến: 1 (0.19%) Đi: 0 (0%)
<i>5</i>	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
<i>6</i>	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.19%	0 0%	3 0.57%	0 0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
<i>1</i>	Cấp thành phố	2	0	0	2
<i>2</i>	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	545	0	0	545
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	544	0	0	544

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	5		6		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	Nội dung		Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)		Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
XIII	Khu nội trú					
	Nội dung			Có	Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			x		
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)				x	
XVII	Kết nối internet			x		
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường			x		
XIX	Tường rào xây			x		

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Danh Chiến

